

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2020/DS-ST

Ngày: 21/7/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Hoa Kiều**;

2. Ông **Nguyễn Trung Trực** ;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 113/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-DS ngày 18/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Bé A**, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Số 74, ô 1, khu II, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Dương Văn B**, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Nguyễn Thị C, sinh năm 1960 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện N, Tiền Giang.

Dương Ngọc D, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện N, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé A trình bày: Vào khoảng tháng 09/2014, bà có ký hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo bằng viết tay với bà Nguyễn Thị C và ông Dương Văn B và anh Dương Ngọc D, hình thức mua bán là bà bán thức ăn nọ gói đầu cho ông B, bà C và anh D sau 04 tháng xuất chuồng thanh toán đủ tiền. Mỗi lần heo xuất chuồng thì bà C, ông B và anh D đều có trả tiền cho đại lý của bà A nhưng vẫn còn nợ một ít tiền, bà có nhiều lần đến đòi nhưng ông B bà C và anh D hứa hẹn lần sau

trả tiền cho ông bà. Sau khi kết nợ tính đến ngày 13/6/2017 ông B, bà C và anh D còn nợ bà A tiền thức ăn chăn nuôi heo là 447.990.000 đồng. Ông B, bà C và anh D tiếp tục xin được lấy thức ăn tại đại lý của bà A nên bà A yêu cầu mua tiền mặt chuyển nào trả tiền chuyển đó nhưng đến ngày 30/11/2019 ông B, bà C và anh D còn nợ thêm số tiền 52.456.000 đồng. Như vậy, tổng cộng ông B, bà C và anh D còn nợ bà A số tiền 500.446.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông B, bà C và anh D trả cho bà số tiền mua thức ăn còn nợ vốn là 500.446.000 đồng, bà yêu cầu tính lãi từ ngày 13/6/2017 cho đến ngày 25/3/2020 tạm tính tròn 33,5 tháng với lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền 447.990.000 đồng là 124.563.000 đồng và bà yêu cầu tính lãi từ ngày 30/11/2019 cho đến ngày 25/3/2020 tính tròn 04 tháng với lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền 52.456.000 đồng là 1.741.000 đồng. Yêu cầu trả vốn lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Dương Văn B, bà Nguyễn Thị C trình bày: Giữa ông bà và bà Bé A có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với hình thức trả gộp đầu, sau khi bán xong đợt heo sẽ trả tiền. Tính đến thời điểm này thì ông bà còn nợ bà Bé A số tiền 500.446.000 đồng. Nay do chăn nuôi thua lỗ nên ông bà xin trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng và không trả lãi. Việc chăn nuôi này chỉ có vợ chồng ông bà trực tiếp mua bán với bà A, anh Ngọc D không có tham gia vào việc mua bán này chỉ có đi trả dùm số tiền 20.000.000 đồng cho bà A, anh D đã tách hộ khẩu làm ăn riêng nên không liên quan đến số tiền này.

* Anh Dương Ngọc D trình bày: Từ ngày 24/9/2009 anh đã tách hộ khẩu riêng tại ấp E, xã F, huyện N, Tiền Giang không còn ở chung với ông B, bà C. Việc ba mẹ anh chăn nuôi giao dịch, thỏa thuận mua bán thức ăn gia súc và nợ tiền bà Bé A như thế nào anh hoàn toàn không biết chỉ khoảng 17 giờ ngày 03/12/2019 ông B, bà C nhờ anh D cầm 20.000.000 đồng trả nợ tiền thức ăn dùm cho ba mẹ anh D, do anh D trực tiếp đi trả 20.000.000 đồng nên có ký vào sổ thức ăn của bà Bé A để chứng minh là anh D có đưa số tiền 20.000.000 đồng cho bà Bé A, anh không liên quan gì đến số tiền nợ thức ăn này nên anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Bé A. Anh D có nghề riêng là trồng hoa kiểng, có kinh tế riêng không làm kinh tế chung với ông B, bà C.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bé A vẫn giữ y yêu cầu buộc ông B, bà C và anh D thực hiện nghĩa vụ trả số tiền mua thức ăn còn nợ vốn là 500.446.000 đồng và lãi cụ thể như sau:

Đối với số tiền 447.990.000 đồng lãi tính từ ngày 13/6/2017 cho đến ngày 25/3/2020 tạm tính tròn 33,5 tháng với lãi suất 0.83%/tháng thành tiền 124.563.000 đồng.

Đối với số tiền 52.456.000 đồng tính lãi từ ngày 30/11/2019 cho đến ngày 25/3/2020 tính tròn 04 tháng với lãi suất 0.83%/tháng thành tiền là 1.741.000 đồng. Tổng tiền lãi là 126.304.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là: 626.750.000 đồng (A trăm hai mươi A triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Thực hiện trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Dương Ngọc D và bà Nguyễn Thị C thống nhất số tiền vốn mua bán thức ăn là 500.446.000 đồng và lãi 126.304.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé A khởi kiện ông Dương Văn B, bà Nguyễn Thị C có địa chỉ tại ấp Tân Ninh, xã F, huyện N, tỉnh Tiền Giang và anh Dương Ngọc D có địa chỉ ấp E, xã F, huyện N, tỉnh Tiền Giang phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền mua bán thức ăn gia súc là 500.446.000 đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Điều 430 của Bộ luật dân sự; quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản hòa giải, cùng các lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà A và có xác lập quan hệ mua bán tài sản là thức ăn gia súc. Phía bà Bé A đã giao hàng hóa đầy đủ cho phía vợ chồng ông B, bà C và anh D, quá trình mua bán tất toán nợ thức ăn đến ngày 13/6/2017 là 447.990.000 đồng sau đó tiếp tục mua bán đến ngày 30/11/2019 thì ông B, bà C, anh D nợ 52.456.000 đồng có ghi biên nhận và hẹn xuất chuồng bán heo sẽ trả dứt điểm nhưng phía vợ chồng ông B, bà C và anh D không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền. Do đó làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà A, nên yêu cầu khởi kiện của bà A buộc ông B, bà C và anh D phải trả vốn 500.446.000 đồng và lãi 0,83%/tháng đối với số tiền tính từng thời điểm đến ngày 25/3/2020 là 126.304.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 626.750.000 đồng (A trăm hai mươi A triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Yêu cầu này là phù hợp với định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với lời trình bày của bà C, anh D thừa nhận và đồng ý trả tiền nợ mua bán thức ăn vốn và lãi là 626.750.000 đồng (A trăm hai mươi A triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với lời trình bày của ông Dương Văn B, ông cho rằng giữa ông bà và bà Bé A có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với hình thức trả gổ đầu, sau khi bán xong đợt heo sẽ trả tiền. Tính đến thời điểm này thì ông còn nợ bà Bé A số tiền 500.446.000 đồng và lãi. Nay do chăn nuôi thua lỗ nên ông xin trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng và xin không trả lãi. Lời trình bày này không có cơ sở vì khoản nợ mua bán này đã lâu, ông đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua bán giữa ông và bà Bé A do đó cần buộc ông Dương Văn B cùng liên đới với bà C, anh D trả tiền vốn và lãi là 626.750.000 đồng (A trăm hai mươi A triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

[5] Về thời hạn trả: Bà C, anh D đồng ý trả số tiền vốn và lãi là 626.750.000 đồng (A trăm hai mươi A triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Đối với ông Dương Văn B có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông B.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 430, Điều 305, Điều 468 Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé A.

1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C, anh Dương Ngọc D thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bé A số tiền vốn 500.446.000 đồng (năm trăm triệu bốn trăm bốn mươi A ngàn đồng), lãi 126.304.000 đồng (một trăm hai mươi A triệu ba trăm lẻ bốn ngàn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 626.750.000 đồng (A trăm hai mươi A triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Dương Văn B có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị C, anh Dương Ngọc D trả cho bà Nguyễn Thị Bé A số tiền vốn và lãi 626.750.000 đồng (A trăm hai mươi A triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông B, bà C, anh D chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Ông Dương Văn B, bà Nguyễn Thị C, anh Dương Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.070.000 đồng (hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bé A số tiền 14.521.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm hai mươi một ngàn) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003651 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Ông Dương Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

Nguyễn Thị Ánh Hồng